

BÁO CÁO

**Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng
đầu năm 2021, phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2021
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ; Quyết định số 2766/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021; thực hiện Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng về Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của UBND tỉnh Cao Bằng năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng báo cáo tình hình và kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2021, phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2021 như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Luật THTK, CLP của địa phương

1. Về phân công trách nhiệm trong việc chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện và theo dõi, tổng hợp kết quả công tác THTK, CLP

Thực hiện Luật, Nghị định và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương về việc triển khai Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của tỉnh Cao Bằng năm 2021. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý thực hiện chế độ công khai tài chính theo đúng quy định hiện hành; chủ động xây dựng Chương trình và lập kế hoạch triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 phù hợp với tình hình và điều kiện thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, với mục tiêu nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mọi lĩnh vực của kinh tế - xã hội; sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn toàn tỉnh. Đồng thời phân công chỉ đạo và giao nhiệm vụ cụ thể cho các cấp các ngành:

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố: đôn đốc hướng dẫn các sở, ban, ngành và huyện, thành phố khẩn trương giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 theo đúng Nghị quyết số 45/NQ-

HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách năm 2021. Tổ chức triển khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước ngay từ đầu năm, đảm bảo kế hoạch đề ra; hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả quy định mới về quản lý ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; tăng cường kiểm tra, giám sát trong quản lý thu chi ngân sách; minh bạch trong việc sử dụng NSNN.

- Kho bạc Nhà nước tỉnh và các huyện: tăng cường các giải pháp, đơn giản hóa thủ tục hành chính để rút ngắn thời gian kiểm soát chi theo lộ trình của Kho bạc Nhà nước Trung ương; phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư, ban quản lý dự án thanh toán cho các dự án đầu tư khi có khối lượng và có đủ điều kiện giải ngân; định kỳ hàng tháng báo cáo UBND tỉnh.

- Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố: triển khai thực hiện tốt và có hiệu quả Luật Ngân sách nhà nước, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,... và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, quyết liệt đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và kế hoạch đầu tư công trung hạn các năm tiếp theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền.

Các cơ quan hành chính 100% đơn vị thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; 61% đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

2. Những biện pháp chỉ đạo, điều hành đã triển khai, thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2021

Để lãnh đạo, chỉ đạo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2021 tại địa phương, căn cứ các văn bản Trung ương và các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2021; Nghị quyết số 50/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025; Nghị quyết số 51/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 41/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng về sửa đổi bổ sung Điều 4 Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản để chỉ đạo thực hiện, gồm; Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tập trung tiết kiệm vào các nội dung sau:

- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 70% nguồn tăng thu ngân sách địa phương và nguồn thực hiện cải cách tiền lương; cắt giảm chi hội nghị; công tác phí do dịch Covid -19 vẫn đang diễn ra ngày càng phức tạp.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện chế độ, chính sách ở các đơn vị cấp dưới, triệt để tiết kiệm chi cho bộ máy quản lý nhà nước và sự nghiệp; thực hiện tiết kiệm, hiệu quả, chủ động cắt giảm các đoàn đi công tác nước ngoài, công tác trong nước. Rà soát, kiểm tra, thanh tra, các đoàn công tác từ cấp trên xuống cấp dưới, bảo đảm gọn nhẹ, tiết kiệm, hiệu quả; không tổ chức đón tiếp gây tốn kém chi phí đối với cấp dưới và các cơ quan có liên quan. Triệt để tiết kiệm trong sử dụng văn phòng phẩm, thực hiện nhận văn bản chỉ đạo qua mạng công nghệ thông tin.

Thực hiện tiết kiệm điện theo Thông tư Liên tịch số 111/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 01/6/2009 của liên Bộ Tài chính – Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020 - 2025. Hạn chế tình trạng phô trương, hình thức, tiếp khách tràn lan gây lãng phí ngân sách nhà nước; cắt giảm tối đa các khoản chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, tổ chức các lễ kỷ niệm, lễ khởi công, lễ khánh thành, tăng cường sử dụng hình thức họp trực tuyến trong chỉ đạo điều hành và xử lý các công việc liên quan.

- Quản lý tốt nguồn vốn đầu tư phát triển theo thẩm quyền, sử dụng nguồn vốn tiết kiệm hiệu quả đúng mục đích, nâng cao chất lượng hiệu quả dự án đầu tư. Rà soát và điều chỉnh vốn đầu tư các chương trình dự án không triển khai thực hiện hoặc thực hiện chậm tiến độ sang cho các dự án quan trọng, cấp bách cần đẩy nhanh tiến độ, có khả năng giải ngân nhanh vốn đầu tư năm 2021.

3. Việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, chính quyền các cấp, các tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh nghiêm túc thực hiện tốt các quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Phòng chống tham nhũng; Nghị định của Chính phủ, Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của Chính phủ và của UBND tỉnh. Công tác tuyên truyền triển khai các Nghị quyết, Quyết định của cấp trên bằng nhiều hình thức như: tổ chức các hội nghị, hội nghị trực tuyến chuyên đề phổ biến trực tiếp các văn bản của Trung ương và địa phương đến từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; phổ biến bằng văn bản và bằng công tác tuyên truyền lồng ghép trong các buổi sinh hoạt đảng, trong các cuộc họp giao ban của các cơ quan, địa phương và đơn vị.

4. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; công quỹ, tài sản công; quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển; khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực khác

Trong năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành quyết định công khai dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh như sau:

Dự toán Trung ương giao: tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 1.457.400 triệu đồng; chi ngân sách địa phương 9.560.532 triệu đồng. Dự toán HĐND tỉnh giao: tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 2.000.000 triệu đồng; chi ngân sách địa phương 10.076.117 triệu đồng.

Chỉ đạo các đơn vị thực hiện chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 84/2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018; đã thực hiện công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2019 và công khai dự toán ngân sách năm 2021 theo đúng quy định về nội dung, thời gian và hình thức công khai trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Tài chính.

- Các đơn vị cấp tỉnh, các cấp ngân sách và các tổ chức đơn vị thụ hưởng Ngân sách nhà nước đã thực hiện công khai dự toán năm 2021 và quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính cụ thể như sau: 161/161 xã, phường, thị trấn và 10/10 huyện, thành phố thực hiện công khai ngân sách; 48/48 đơn vị dự toán ngân sách thuộc UBND tỉnh đã thực hiện công khai; các chủ đầu tư đã thực hiện công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn ngân sách Nhà nước. Trên cơ sở báo cáo của chủ đầu tư Sở Tài chính tổng hợp và lập báo cáo tình hình thực hiện công khai của đơn vị và gửi UBND tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị cơ bản chấp hành nghiêm túc quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong việc thực hiện chính sách quản lý tài chính, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích và có hiệu quả.

- Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách của đơn vị theo Quy chế làm việc của cơ quan; quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế dân chủ cơ sở, quy trình về giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”,... đồng thời tiếp tục thực hiện tốt việc phân công, phân nhiệm cụ thể từng chức danh cán bộ, công chức, viên chức. Trong quá trình triển khai thực hiện, cấp Ủy đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công khai hoạt động của cơ quan, đơn vị theo quy định, thực hiện trả lương qua tài khoản tại ngân hàng.

- Về minh bạch về tài sản, thu nhập: Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị đã tổ chức phổ biến và quán triệt nội dung, phương pháp, thời gian kê khai tài sản, thu nhập đến từng cán bộ, công chức và lập tờ khai kê khai lần đầu theo đúng quy định.

- Các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố chấp hành nghiêm túc các Quy định của Chính phủ về quy chế tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng của cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước và của cán bộ công chức, viên chức và người lao động.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THPTK, CLP và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về THPTK, CLP

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương được lãnh đạo các cấp, các ngành quan tâm và chỉ đạo thường xuyên.

- Công tác điều hành ngân sách tại các đơn vị được kiểm toán Nhà nước, thanh tra các cấp, kiểm tra đều tuân thủ các bước: xây dựng dự toán, phân bổ dự toán được giao cho các đơn vị sử dụng; việc quản lý, sử dụng kinh phí được giao theo đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức quy định; quản lý, khai thác tốt các nguồn thu hiện có trên địa bàn; chấp hành nghiêm túc tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh theo đúng Nghị quyết số 51/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước hiện hành; sử dụng nguồn kinh phí dự phòng theo đúng mục đích quy định.

- Trong các hội nghị, các kỳ sinh hoạt và các cuộc họp định kỳ, tại các cơ quan, đơn vị luôn tiến hành kiểm điểm đánh giá về công tác chuyên môn, qua đó, đã góp phần tích cực vào việc giáo dục cho cán bộ, đảng viên, công chức trong cơ quan, đơn vị luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy tính tiên phong, gương mẫu đi đầu trong việc THPTK, CLP tại từng cơ quan, đơn vị.

- Về công tác tổ chức cán bộ trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: luôn được các cấp uỷ đảng coi trọng và quan tâm; việc tuyển dụng, bố trí sắp xếp, quy hoạch cán bộ tại các cơ quan, đơn vị đều được tiến hành công khai, dân chủ bảo đảm đúng quy trình đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao năng lực quản lý, phục vụ công dân và doanh nghiệp trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Duy trì nề nếp sinh hoạt, thường xuyên duy trì tốt việc kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện công tác chuyên môn. Thực hiện sử dụng, bố trí cán bộ, đảng viên trong phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn đào tạo và sở trường; khắc phục sự lãng phí trong đào tạo và sử dụng cán bộ, thực hiện tốt kỷ luật lao động trong từng cơ quan, đơn vị.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về THPTK, CLP được lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thường xuyên quan tâm: trong 06 tháng đầu năm 2021 đã triển khai thực hiện 13 cuộc thanh tra, kiểm tra về THPTK, CLP tại 11 đơn vị và hoàn thành được 08/13 cuộc. Nhìn chung, công tác THPTK, CLP tại các cơ quan, đơn vị đã được thanh tra, kiểm tra chấp hành khá

tốt, tuy nhiên mức độ vi phạm, sai phạm chưa giảm so với năm trước. Tồn tại 05/11 cơ quan, đơn vị, tổ chức có sai sót:

+ Tổng số tiền, tài sản bị lãng phí đã phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: 113,628 triệu đồng.

+ Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm, đã xử lý, thu hồi: 185,628 triệu đồng.

II. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2021

1. Trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

Để thực hiện tốt chỉ đạo của Trung ương về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, UBND tỉnh đã chỉ đạo việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của các cơ quan, ban, ngành, UBND các cấp phải gắn với các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt phân bổ dự toán; quản lý, sử dụng kiểm soát chi và quyết toán ngân sách nhà nước chặt chẽ. Thực hiện tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, trong 06 tháng đầu năm 2021 tổng số kinh phí tiết kiệm được là 79.600/79.600 triệu đồng, đạt 100% so với tổng dự toán TW giao năm 2021, trong đó: cấp tỉnh thực hiện là 28.600 triệu đồng, cấp huyện, thành phố là 51.000 triệu đồng.

Việc thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 10/02/2015 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, được các cơ quan đơn vị chấp hành và thực hiện theo đúng quy định.

Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo tiết kiệm kinh phí và tự cân đối trong việc chi tiêu, mua sắm, sửa chữa tài sản trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Trường hợp, có những nhiệm vụ đột xuất hoặc được bổ sung nhiệm vụ chuyên môn, thì Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh bổ sung kinh phí để thực hiện nhiệm vụ. Qua triển khai thực hiện, đến nay trên địa bàn tỉnh thực hiện như sau:

- Có 239/239 cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, trong đó: + Cơ quan thuộc cấp tỉnh: 40/40 đơn vị. + Cơ quan thuộc cấp huyện, thành phố: 199/199 đơn vị. + Cấp xã, phường, thị trấn chưa thực hiện cơ chế tự chủ.

- Tình hình thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ như sau: Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ

trên địa bàn có: 406/665 đơn vị (trong đó: các đơn vị thuộc khối tỉnh là 112/112 đơn vị; các đơn vị thuộc huyện, thành phố là 294/553 đơn vị), cụ thể như sau:

+ Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư: 0 đơn vị. + Số đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên là: 11/11 đơn vị (trong đó: khối tỉnh là 9 đơn vị; huyện, thành phố là 02 đơn vị). + Số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên là: 32/32 đơn vị (trong đó: khối tỉnh là 31 đơn vị; huyện, thành phố là 01 đơn vị).

+ Số đơn vị do NSNN đảm bảo toàn bộ chi phí thường xuyên là: 363/622 đơn vị (trong đó: khối tỉnh là 72 đơn vị; huyện, thành phố là 291 đơn vị)

- Về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập: UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị trong tỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng dân tỉnh về ban hành quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 29/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2019 của HĐND tỉnh về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017.

Kết quả thực hiện tiết kiệm trong sử dụng và thanh quyết toán NSNN 06 tháng đầu năm 2021 với tổng số tiền là 3.638 triệu đồng (trong đó: Tiết kiệm chi quản lý hành chính 934 triệu đồng; Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại 58 triệu đồng; Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức 2.617 triệu đồng; Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia 29 triệu đồng).

- Về thực hiện các biện pháp tăng cường tiết kiệm điện: tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 21/4/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường tiết kiệm điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, từng cơ quan, đơn vị thực hiện triệt để việc tiết kiệm chi phí sử dụng điện.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu: trong năm 2020 các đơn vị đã tập trung chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả đối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong quá trình thực hiện luôn tuân thủ đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN. Việc quản lý, sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được quản lý, sử dụng đảm bảo đúng mục đích và các quy định về tiêu chuẩn định mức.

2. Trong quản lý đầu tư xây dựng các dự án sử dụng NSNN, tiền, tài sản nhà nước

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chủ đầu tư tiếp tục thực hiện nghiêm túc Luật xây dựng, Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn của Trung ương về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Thực hiện đúng quy định trong công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng phù hợp quy hoạch, đúng trình tự lập, thẩm tra, thẩm định phê duyệt các dự án, phê duyệt kế hoạch đầu tư, đấu thầu, chỉ định thầu

đúng theo các văn bản quy định; tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý, phê duyệt, triển khai dự án đầu tư đúng quy trình, Luật đầu tư, Luật Xây dựng hiện hành của nhà nước, thực hiện đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát đối với các danh mục dự án đầu tư; kịp thời phát hiện và xử lý tạm đình chỉ hoặc đình chỉ đối với các dự án đầu tư không nằm trong quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các dự án đầu tư chưa xác định rõ hoặc không có hiệu quả đầu tư, chưa cân đối đủ nguồn vốn, không đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định về quản lý đầu tư xây dựng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chống thất thoát lãng phí trong đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng công trình. Kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, xử phạt vi phạm nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công; chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư theo quy định.

Trong 06 tháng đầu năm 2021, qua thực hiện thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán, thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, thực hiện đầu tư, thi công, thẩm tra phê duyệt quyết toán đối với các công trình, dự án hoàn thành tiết kiệm được tổng số tiền: 19.477 triệu đồng (trong đó: Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán tiết kiệm được 12.808 triệu đồng; Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh tiết kiệm được 5.656 triệu đồng; Thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tiết kiệm được 1.013 triệu đồng).

3. Trong quản lý, sử dụng xe ô tô; trụ sở làm việc, nhà công vụ của cơ quan tổ chức sử dụng kinh phí NSNN và công trình phúc lợi công cộng

- Về quản lý, sử dụng xe công: UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo dõi và quản lý chặt chẽ, bố trí sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng. Không có hiện tượng sử dụng xe ô tô công của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công vào việc riêng. Trường hợp đi công tác cùng địa bàn hoặc đoàn liên ngành đều bố trí đi chung xe ô tô để tiết kiệm xe và xăng, dầu; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 57/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành định mức tối đa sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và hình thức quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan; Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định về

khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng.

- Về sắp xếp lại cơ sở nhà, đất: Thực hiện Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp, xử lý tài sản công, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành rà soát, sắp xếp, xử lý tài sản công; ban hành Kế hoạch số 1400/KH-UBND ngày 18/5/2018 về thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 thành lập Ban chỉ đạo sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng để triển khai thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng. Cụ thể: Tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng tổng diện tích sàn sử dụng 1.304.331m².

Toàn bộ diện tích nhà, đất trụ sở làm việc, nhà công vụ của các cơ quan; các công trình phúc lợi công cộng đều được quản lý chặt chẽ và đầy đủ theo đúng chế độ quản lý tài sản công, quy chế quản lý công sở hiện hành của Nhà nước. Từng cơ quan, đơn vị đã xây dựng quy chế quản lý và sử dụng diện tích đất, trụ sở làm việc được nhà nước giao đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả; báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tài sản được kịp thời.

4. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

Quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tài nguyên nước, khoáng sản, tài nguyên rừng được bảo đảm công khai, minh bạch; thực hiện đúng quy trình, thủ tục của pháp luật và theo đúng quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Thực hiện rà soát, ban hành quy chế, quy định tái tạo, bảo vệ và phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên, có kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng từng loại tài nguyên đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Trong đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức đã thực hiện theo đúng quy định trong tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức; trong quá trình thực hiện luôn đảm bảo theo đúng quy trình, tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu nhiệm vụ, khối lượng công việc và trong phạm vi biên chế được giao. Hàng năm các cơ quan, đơn vị đã tiến hành kiện toàn bộ máy tổ chức; bố trí, sắp xếp lại đội ngũ công chức phù hợp với khả năng, năng lực, nhiệm vụ được giao. Thực hiện đề án bộ máy tổ chức, biên chế theo đề án được phê duyệt.

- Thực hiện các văn bản của Trung ương về đổi mới tác phong, lề lối làm việc, nâng cao chất lượng công tác trong cơ quan, đoàn thể các cấp, các cơ quan, đơn vị đã thực hiện việc niêm yết Quy chế văn hoá công sở tại cơ quan; Quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức. Quán triệt cán bộ công chức sử dụng thời gian lao động có chất lượng và hiệu quả; xử lý công việc

hợp lý và khoa học, thực hiện tốt việc cải cách thủ tục hành chính. Việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị,... bảo đảm đúng mục đích, đúng thành phần và đối tượng tham dự, tiết kiệm thời gian góp phần nâng cao ý thức chấp hành tốt kỷ luật lao động, không gây lãng phí thời gian làm việc.

6. Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại các doanh nghiệp nhà nước

- Các đơn vị đã xây dựng, ban hành quy chế, định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo quy định chi tiêu nội bộ; tổ chức quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được nhà nước giao; thực hiện kiểm toán bắt buộc và công khai tài chính trong đơn vị; thường xuyên kiểm tra để xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm gây lãng phí vốn, tài sản, lao động.

- Xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm theo quy định.

- Kết quả trong 06 tháng đầu năm 2021 các doanh nghiệp nhà nước đã thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh với tổng số tiền là 665 triệu đồng, đạt 53% so với năm 2020, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng với số tiền 574 triệu đồng.

- Vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp nhà nước được quản lý tốt, luôn được bảo toàn và ngày càng được phát triển.

7. Trong sản xuất, tiêu dùng của cá nhân và trong nhân dân

- Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến về Luật THTK, CLP và các văn bản hướng dẫn của trung ương và địa phương bằng nhiều hình thức như: đăng báo, đài phát thanh - truyền hình, văn hoá thông tin,... trong các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, tiêu dùng và sinh hoạt, dành nguồn lực đầu tư vào sản xuất, kinh doanh.

- Triển khai cuộc vận động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các đoàn thể, tổ chức quần chúng; các thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư; tập trung vào việc xây dựng nếp sống mới; giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, xoá bỏ các hủ tục lạc hậu tốn kém, gây lãng phí.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01, 02 kèm theo)

III. Đánh giá chung về công tác THTK, CLP 06 tháng đầu năm 2021

1. Ưu điểm

- Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành nâng cao trách nhiệm, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước đã xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí hàng năm.

- Công tác THTK, CLP đã có chuyển biến tích cực, nhất là trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, các ngành, các cấp đã phối hợp chặt chẽ, đảm

bảo thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phòng chống dịch, giảm các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết theo chỉ đạo của UBND tỉnh: tiết kiệm chi thường xuyên, giảm kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, tọa đàm, họp, công tác phí, chi tiếp khách, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm...

- Cơ bản các đơn vị, địa phương thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính, thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí trong đơn vị; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong sử dụng ngân sách nhà nước.

- Trách nhiệm, nhận thức của công chức, người lao động với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã có chuyển biến tích cực.

- Trong 06 tháng đầu năm 2021, nhìn chung các đơn vị dự toán các cấp đã thực hiện việc quản lý và sử dụng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách, thực hiện nghiêm túc chỉ tiêu Bộ Tài chính giao tiết kiệm chi thường xuyên trong năm. Thực hành tiết kiệm tốt trong chi tiêu thường xuyên như: tiết kiệm xăng dầu, điện, nước, văn phòng phẩm, tiết kiệm trong việc tổ chức hội họp, kỷ niệm các ngày lễ, ngày thành lập; tiết kiệm trong chi tiếp khách; tiết kiệm trong việc mua sắm, trang bị thay thế tài sản; công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từng bước đã khắc phục được những hạn chế, yếu kém; vai trò công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được tăng cường đúng với trọng tâm của công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị đã cơ bản thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tạo sự chuyển biến về nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, người lao động và nhân dân. Công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chính quyền các cấp được tăng cường.

2. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo, điều hành thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các đơn vị, đa số các đơn vị đã tích cực triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan đơn vị mình. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ quan, đơn vị chưa nộp báo cáo theo đúng thời gian quy định; một số cơ quan đơn vị có báo cáo nhưng chưa đảm bảo yêu cầu, chưa đúng theo mẫu quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014.

- Việc xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hành tiết kiệm chống lãng phí ở một số cơ quan, đơn vị chưa cụ thể, chưa sát với tình hình đặc điểm của cơ quan, đơn vị; chưa xác định được các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo.

- Việc tự phát hiện các vụ việc lãng phí trong quá trình tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, đơn vị vẫn còn hạn chế. Hầu hết các vụ việc lãng phí được phát hiện là do quá trình kiểm toán Nhà nước và kiểm tra, thanh tra của cơ quan các cấp.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm, nhận thức rõ về nhiệm vụ THPTK, CLP dẫn đến ban hành xây dựng Chương trình THPTK, CLP chưa rõ ràng cụ thể, báo cáo THPTK, CLP gửi về cơ quan tổng hợp chưa đảm bảo chất lượng, gây khó khăn cho công tác tổng hợp.

- Khối lượng công việc quản lý nhà nước ngày càng tăng; chỉ tiêu kế hoạch phấn đấu ngày càng cao, nhu cầu chi tiêu phục vụ công tác ngày càng lớn...., nên đại đa số các cơ quan, đơn vị chưa tiết kiệm được kinh phí để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp THPTK, CLP 06 tháng cuối năm 2021

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”. Hàng năm xác định nhiệm vụ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là công tác trọng tâm của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp để tập trung chỉ đạo thực hiện.

- Các cơ quan, đơn vị nghiêm túc Luật THPTK, CLP để nâng cao ý thức, trách nhiệm của Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo thực hiện.

- Thực hiện tiết kiệm thêm dự toán chi hoạt động trong định mức và ngoài định mức của các đơn vị, huyện, thành phố.

- Tăng cường quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương và các văn bản có liên quan về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tiếp tục tích cực phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thông tấn, báo chí để thực hiện tuyên truyền, vận động về THPTK, CLP đạt hiệu quả.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, tăng cường quản lý và bình ổn giá cả thị trường. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước về lĩnh vực giá đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn, cụ thể như: về tình hình thực hiện kê khai giá, đăng ký giá đối với các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá; việc niêm yết giá và bán hàng hoá theo giá niêm yết; phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về giá theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công, tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; kiểm điểm trách nhiệm, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật liên quan đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giám sát việc chấp hành pháp luật về THPTK, CLP đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí NSNN, tiền, tài sản của Nhà nước, tài nguyên thiên nhiên và các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước; phát hiện ngăn ngừa và xử lý theo đúng quy định pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

- Thực hiện công khai dự toán và quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương hàng năm của các cấp ngân sách và của các

cơ quan, đơn vị đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính. Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của nhân dân và các tổ chức đoàn thể, quần chúng.

- Quản lý sử dụng chặt chẽ số lượng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp. Tạm dừng việc giao bổ sung biên chế; Các sở, ban, ngành, địa phương chưa sử dụng hết số biên chế được giao phải xem xét, cắt giảm phù hợp. Rà soát nhu cầu về biên chế, việc tuyển dụng lao động của các cơ quan, đơn vị đảm bảo việc tuyển dụng phù hợp với nhu cầu, chống lãng phí trong sử dụng lao động.

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giáo dục pháp luật về THTK, CLP trong các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp nhà nước; chú trọng tuyên truyền quán triệt các quy định cụ thể của Nhà nước, các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Kiểm soát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; tập trung giải quyết kịp thời những vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Thực hiện tiết kiệm và nâng cao chất lượng từ khâu quy hoạch, chủ trương đầu tư, đến khâu quyết toán dự án, công trình XDCB hoàn thành phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng và khả năng ngân sách hàng năm; chấp hành tốt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quá trình đầu tư.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu, mô hình tổ chức đối với những doanh nghiệp thuộc diện nhà nước giữ 100% vốn theo quy định tại Luật doanh nghiệp. Nghiên cứu, thực hiện đổi mới cơ chế quản trị doanh nghiệp. Tăng cường việc giám sát của cơ quan quản lý đối với các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn; trong quản lý, sử dụng các nguồn lực được nhà nước giao bảo đảm sử dụng vốn đúng mục đích và hiệu quả.

- Tiếp tục cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp; nâng cao năng lực tài chính; đổi mới công tác quản trị, công nghệ; đổi mới tổ chức, quản lý nguồn nhân lực; cơ cấu sản phẩm, ngành nghề sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Hoàn thành cơ bản việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp có đủ điều kiện thành công ty cổ phần (trừ các bệnh viện và trường học), quy định về cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp, giảm mạnh chi ngân sách nhà nước cho khu vực này. Ngân sách nhà nước chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Thực hiện cơ chế giao vốn, tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với quy định pháp luật.

- Để thực hiện, hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định, hướng dẫn triển khai thực hiện Luật quản lý, sử dụng tài sản công của Trung ương và địa phương, góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công, phòng, chống thất thoát, lãng phí. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật và Công văn số 554/UBND- TH ngày 06/03/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp tục rà soát, chấn chỉnh việc thực hiện phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh tại Quyết định số 912/QĐ- UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP đảm bảo đúng mục đích, tiêu chuẩn quy định; xử lý tài sản dôi dư tạo nguồn tài chính để bổ sung ngân sách nhà nước phục vụ cho mục tiêu đầu tư phát triển và nhu cầu khác.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng cuối năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH(ĐH).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Hoàng Xuân Ánh



Phụ lục số 01
KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ HUYỆN, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH QUẢN LÝ
Kỳ báo cáo: 06 tháng đầu năm 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 1783 /BC-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2021	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7 = 6/4(%)	8 = 6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản	32	24	22	69	92	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	Văn bản	30	26	24	80	92	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	12	8	6	50	75	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện, xử lý	Vụ	0	0	0			
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi hành tiền VNĐ)	Triệu đồng	0	0	0			
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		165.972	159.099	79.600	48	50	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng						Bao gồm dự toán giao từ đầu năm và chỉ tiêu tiết kiệm thêm trong năm
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chi đạo, điều hành của Chính phủ	Triệu đồng	165.972	159.099	79.600	48	50	
	<i>Trong đó: - Các đơn vị dự toán cấp tỉnh</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>59.404</i>	<i>57.276</i>	<i>28.600</i>	<i>48</i>	<i>50</i>	
	<i>- Ngân sách cấp huyện, thành phố</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>106.568</i>	<i>101.823</i>	<i>51.000</i>	<i>48</i>	<i>50</i>	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN (cộng từ 2.1+ + đến 2.7)		12.118	11.171	3.637	30	33	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	Triệu đồng	5.235	4.996	934	18	19	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được giao; mức khoán chi được giao
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.185</i>	<i>1.066</i>	<i>301</i>	<i>25</i>	<i>28</i>	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>421</i>	<i>336</i>	<i>67</i>	<i>16</i>	<i>20</i>	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>305</i>	<i>290</i>	<i>58</i>	<i>19</i>	<i>20</i>	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>259</i>	<i>220</i>	<i>70</i>	<i>27</i>	<i>32</i>	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>87</i>	<i>82</i>	<i>13</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.114</i>	<i>1.136</i>	<i>173</i>	<i>16</i>	<i>15</i>	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>687</i>	<i>694</i>	<i>85</i>	<i>12</i>	<i>12</i>	
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>265</i>	<i>278</i>	<i>69</i>	<i>26</i>	<i>25</i>	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>444</i>	<i>471</i>	<i>93</i>	<i>21</i>	<i>20</i>	
	<i>Tiết kiệm từ kinh phí tiền lương được cấp</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>469</i>	<i>422</i>	<i>5</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	Triệu đồng	1.566	1.581	58	5	0	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2021	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	Triệu đồng	412	416		0	0	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	1.153	1.165	58	5		
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	Triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán được duyệt
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...</i>	Triệu đồng	1.153	1.165	58	5		
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	Triệu đồng						
	<i>Các nội dung khác</i>	Triệu đồng						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	4.382	4.494	2.617	60	58	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	Triệu đồng	490	100	29	6	29	
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng	445					
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	Triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	Triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	379	379	126	33	33	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị	69		9	13		
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Triệu đồng	3.454		142	4		
4	Các nội dung khác	Triệu đồng						
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (xe ô tô)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	351		273	78		
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận đ/chuyển)	Chiếc		45				
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc	66	88				
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, đ/chuyển, thu hồi	Tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	35.378	35.948	19.477	55	54	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	Triệu đồng	27.933	29.482	12.808	46	43	
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...</i>	Triệu đồng	4.182	4.266	5.656	135	133	
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	Triệu đồng						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	Triệu đồng	3.264	2.200	1.013	31	46	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2021	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch (Số KH =15% tổng vốn giao)	Triệu đồng			0	0		
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	- Số lượng	Dự án						
	- Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc (bao gồm cả nhà công vụ)							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	1.854.226		1.304.331	70		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận đ/chuyển	m2	1.166					
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	11.720		162	1		
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0					
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0					
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng	0					
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	14.378			0		
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	3.113					
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm P.luật	m2	34					
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, SD tài nguyên	Vụ	85			0		Theo phát sinh thực tế
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	1.085			0		
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	Vụ						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2021	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh (1.1 +...+ 1.6)							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng						
	- Tiết kiệm điện	Kw/h						
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Lít						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến k.thuật	Triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (chi phí khác)	Triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án						
3	Sử dụng các nguồn kinh được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	Triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	Triệu đồng						
	Số cuối kỳ	Triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	Triệu đồng						
	Số cuối kỳ	Triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2021	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc	43	45	13	30	29	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc	39	15	8	21	53	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn	62	41	11	18	27	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/đơn	23	18	5	22	28	
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	1.719	1.547	114	7	7	
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng	1.768	1.591	186	10	12	



**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DO NHÀ NƯỚC NẪM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

Kỳ báo cáo: 06 tháng cuối năm 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 1783 /BC-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm 2021	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với KH 2021	
1	2	3	4	5	6	7 = 6/4 (%)	8 = 6/5 (%)	9
I	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh		1.250	837	665	53	6	
1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	73	34	17	23	49	
2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	507	660	574	113	87	
2.1	Tiết kiệm điện	Kw/h	107.677	233.030	223.655	208	96	
2.2	Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	320	320	180	56	56	
3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	35	35	20	57	57	
4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng	526					
5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (chi phí khác)	Triệu đồng	55	54	27	50	50	
6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng	55	54	28	51	52	
II	Quản lý đầu tư xây dựng							
1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án	22	25	15	68	60	
2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án		25	15		60	
3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
3.1	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng						
3.2	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...	Triệu đồng						
3.3	Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng						
3.4	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng						
4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
4.1	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	Dự án						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm 2021	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với KH 2021	
4.2	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	Triệu đồng						
5	Các nội dung khác							
III	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước							
1	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng						
2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được	Triệu đồng						
3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng						
IV	Mua sắm phương tiện							
1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc	7	5	7	100	140	
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc						
1.3	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng						
1.4	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc						
1.5	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng						
2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
2.1	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc						
2.2	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng						
V	Nợ phải thu khó đòi							
1	Số đầu kỳ	Triệu đồng	200	1.128	1.128	564	100	
2	Số cuối kỳ	Triệu đồng	200	800	902	451	113	
VI	Vốn chủ sở hữu							
1	Số đầu năm	Triệu đồng	472.426	574.521	574.521	122	100	
2	Số cuối năm	Triệu đồng	474.786	577.576	575.539	121	100	